

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN MINH HIẾU

SỰ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH DẠY HỌC
TỪ TRUYỀN THỤ SANG KIẾN TẠO

Chuyên ngành: CNDVBC&CNDVLS

Mã số: 62 22 03 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội – 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Người hướng dẫn khoa học: **GS. Tô Duy Hợp**

Phản biện:.....

Phản biện:.....

Phản biện:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án
tiến sĩ họp tại
vào hồi giờ ngày tháng năm 20.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cải cách, đổi mới giáo dục là một trào lưu, một xu thế diễn ra sôi động trên toàn thế giới, bắt đầu từ những năm đầu của thế kỷ XX và đến nay vẫn còn tiếp tục. Động cơ thúc đẩy cuộc cải cách này là sự phát triển của nền sản xuất công nghiệp từ trình độ cổ điển sang trình độ hiện đại của nó, gắn liền với nền kinh tế tri thức và bối cảnh toàn cầu hóa. Yêu cầu mới về nguồn nhân lực buộc giáo dục phải có sự thay đổi, kéo theo đó là sự chuyển đổi của các mô hình dạy học. Các nước công nghiệp phương Tây là những nước đi đầu trong tiến trình này, tiếp đó là các nước phát triển ở khu vực châu Á. Trong quá trình đó, nhiều mô hình dạy học đã lần lượt ra đời như mô hình kiểu Mỹ, kiểu Châu Âu, kiểu Phần Lan, kiểu Nhật Bản... trở thành niềm cảm hứng và kinh nghiệm quý giá cho các nước đi sau, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, do gắn với những đặc điểm cụ thể, việc vận dụng các mô hình này không phải dễ dàng khi đưa vào quốc gia khác. Do đó, việc đúc rút những mô hình dạy học mang tính chung, khái quát, đồng thời tìm hiểu xu hướng vận động của nó trong bối cảnh mới hiện nay, cho phép quá trình vận dụng trở nên linh hoạt mà vẫn không đi chệch xu thế là là một yêu cầu cấp thiết.

Mặt khác, sự đổi mới giáo dục không phải chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu kinh tế mà còn do những nhu cầu nội tại. Dòng chảy tư tưởng giáo dục sở dĩ luôn sôi động vì nó liên tiếp đặt ra, giải quyết và dự đoán những vấn đề của thời đại gắn với hành trình tự hoàn thiện của con người. Giáo dục không chỉ là phương tiện, công cụ, mà còn là mục đích, nhằm đưa con người đạt đến tự do theo nghĩa chân chính của từ này. Vậy mẫu chung về con người trong bối cảnh kinh tế tri thức gắn với toàn cầu hóa hiện nay là gì, đó là câu hỏi có tính cấp thiết mà giáo dục phải trả lời. Làm rõ sự chuyển đổi mô hình dạy học sẽ góp phần trả lời câu hỏi này.

Không nằm ngoài xu thế chung, công cuộc đổi mới giáo dục của Việt Nam đã và đang diễn ra, phải đối mặt với không ít “nan đề”, trong đó có vấn đề mô hình dạy học. Lựa chọn mô hình nào, vận dụng nó ra sao, để vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước, vừa phù hợp với định hướng chung của thế giới không phải là hành động cảm tính, chủ quan, mà cần dựa trên sự phân tích, luận giải những cơ sở lý luận và thực tiễn khách quan nhất định. Luận giải sự chuyển đổi mô hình dạy học trong bối cảnh hiện nay nhằm cung cấp cơ sở đó là việc cấp thiết.

Với tất cả những lý do trên, chúng tôi chọn “Sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo” làm đề tài nghiên cứu luận án của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục tiêu nghiên cứu:

Làm rõ thực chất sự chuyển đổi mô hình dạy học trong bối cảnh hiện nay, từ đó định vị nền giáo dục Việt Nam trong sự chuyển đổi đó.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, đánh giá những giá trị và những phần còn trống hoặc còn ít được bàn đến, từ đó chỉ ra những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ.
- Phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận liên quan đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo.
- Phân tích, làm rõ các yếu tố tác động đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo.
- Phân tích, làm rõ thực trạng sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay và giải pháp giúp sự chuyển đổi này diễn ra hiệu quả hơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo trong bối cảnh hiện nay.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- *Về mặt nội dung:* Luận án phân tích, làm rõ sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo trong giai đoạn chủ yếu từ nền sản xuất công nghiệp sang nền kinh tế tri thức gắn liền với bối cảnh toàn cầu hóa.
- *Về mặt thời gian:* từ khoảng thế kỷ XVIII cho đến nay.

3 Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

3.1 Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên khung lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để tiếp cận vấn đề sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Vận dụng nguyên tắc thống nhất logic – lịch sử trong quá trình làm rõ sự vận động mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo trong lịch sử tư tưởng giáo dục từ cổ đại cho đến nay.

Sử dụng các phương pháp tổng hợp hóa, hệ thống hóa, và các phân tích, so sánh... để làm rõ nội dung của từng thành tố trong cấu trúc mô hình dạy học.

4. Những đóng góp về mặt khoa học của luận án

- Phân tích làm rõ thực chất sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo trên nguyên tắc thống nhất logic – lịch sử.
- Chỉ ra những yếu tố và nội dung tác động đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo theo khung lý luận tồn tại xã hội – ý thức xã hội.
- Định vị nền giáo dục Việt Nam trong sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo và gợi ý một số giải pháp cho sự chuyển đổi này diễn ra hiệu quả hơn.

4 Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

4.1 Ý nghĩa lý luận của luận án

Luận án phân tích, làm rõ thực chất sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo và sự chuyển đổi này ở Việt Nam từ tiếp cận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Do đó kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm đến vấn đề đổi mới giáo dục, đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay từ phương diện lý luận.

4.2 Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Với một số nhấn mạnh trong phân tích, luận giải về thực trạng và giải pháp sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay, luận án là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý giáo dục, các nhà giáo, phụ huynh trong việc thực hiện hóa cải cách, đổi mới giáo dục.

5 Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu khoa học của tác giả và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được chia thành 4 chương và 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1 Tổng quan tài liệu ở nước ngoài

1.1.1 Những công trình nghiên cứu về “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo” và mối quan hệ giữa chúng

Michael R. Matthews với cuốn sách “Constructivism in Science Education – A philosophical Examination” (1998) của Nxb Springer Science + Business Media, B. V, (ISBN: 978-0-7923-4924-2); Matthew Nicholls với cuốn sách “Traditional vs. Modern Teaching Method: Advantages and Disadvantages of Each” (2008); ngoài ra có một số bài báo học thuật như “Constructivism as paradigm for teaching and learning” của Sunita Sharma và Divya Bansal (2017); “Construtivism: A new Paradigm in teaching and learning” của Sarita, Poonam (2017); “Constructivism

Learning Theory: A Paradigm for Teaching and Learning” của Steve Olusegun (2015)...

1.1.2 Những công trình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo.

Trong cuốn sách Michael R. Matthews “Constructivism in Science Education – A philosophical Examination” (1998) có một số bài viết đáng lưu tâm, đó là “Introductory Comments on Philosophy and Constructivism in Science Education” của chính ông, và bài “Cognition, Construction of Knowledge and Teaching” của Ernst von Glasersfed.

1.1.3 Những công trình nghiên cứu về thực trạng và giải pháp sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay

Hầu như chưa có công trình nghiên cứu nước ngoài về thực trạng và giải pháp sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay.

1.2 Tổng quan tài liệu ở trong nước

1.2.1 Những công trình nghiên cứu về “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo” và mối quan hệ giữa chúng.

Một số công trình là: “Vài suy nghĩ về giáo dục” của John Locke (Nxb Tri thức, 2017); “Emile hay là về giáo dục” của Jean Jacques Rousseau (Nxb Tri thức, 2008); “Kinh nghiệm và giáo dục” (Nxb Trẻ, 2012), “Cách ta nghĩ” (Nxb Tri thức, 2013), “Dân chủ và giáo dục” (Nxb Tri thức, 2008) của John Dewey; “John Dewey về giáo dục” (Nxb Tri thức, 2012); “Sự ra đời trí khôn ở trẻ em” của Jean Piaget” (Nxb Tri thức, 2018); “Cơ cấu trí khôn” (Nxb Tri thức, 2017), “Trí khôn phi học đường” (Nxb Tri thức, 2019) của Howard Gardner; “Các lý thuyết học tập về trẻ em” của Collette Gray và Macbalin (Nxb Đại học Hoa Sen và Hồng Đức, 2014), “Đóng góp của Tâm lý học cho giáo dục” của Edward Lee Thorndile do Phạm Toàn dịch (1910); C. Mác và Angghen Toàn tập, các tập 4, 23, 46 (Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2000)...

1.2.2 Những công trình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo.

Công trình “Làn sóng thứ ba” của Alvin Toffler (Nxb Thanh niên, 2002); bộ công trình gồm nhiều quyển của nhóm tác giả Lữ Đạt, Chu Mẫn Sinh và cộng sự: “Cải cách giáo dục ở các nước phát triển – cải cách giáo dục ở Nhật Bản và Ostraylia” (2010), “Cải cách giáo dục ở các nước phát triển – Cải cách giáo dục ở Mỹ” (2009), “Cải cách giáo dục ở các nước phát triển

– Cải cách giáo dục ở Mỹ”, quyển II, “Cải cách giáo dục ở các nước phát triển – Cải cách giáo dục ở Anh” (2009) đều do Nxb Giáo dục Việt Nam ấn hành; “Bài học Phần Lan” của Pisa Sahlberg (Nxb Thế giới, Mega+ và Alphabooks, 2017); “Vì sao con tôi không thích đến trường” của Richard David Precht (Nxb Nhã Nam, 2017); “Cải cách giáo dục Nhật Bản” của Ozaki Mugen (Nxb Lao động và Công ty CP sách Thái Hà, 2014), “Phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo – Kinh nghiệm Đông Á” của Lê Thị Ái Lâm (Nxb Khoa học Xã hội, 2003)....

1.1.3 Những công trình nghiên cứu về thực trạng và giải pháp sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay

Công trình “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư” của Phạm Thuyên (Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019); “Nghịch lý và Lối thoát” của Vũ Cao Đàm (Nxb Thế giới, Hà Nội, 2016); “Cải cách giáo dục Việt Nam – liệu có thực hiện được “Lấy học sinh làm trung tâm” của Tanaka Yoshitaka (Nxb Phụ nữ Việt Nam, 2020), “Giáo dục Việt Nam học gì từ Nhật Bản” (Nxb Phụ nữ, 2018); “Đường xa nghĩ về giáo dục Việt Nam” (Nxb Tri thức, 2019) của Nguyễn Quốc Vương; “Lịch sử giáo dục Việt Nam” của Bùi Minh Hiền, Nguyễn Quốc Trị (Nxb Đại học Sư Phạm, 2019), “Hiện đại hóa giáo dục” của Vương Bản Thái (Nxb Chính trị Quốc gia, 2016), “Giáo dục Đại học Việt Nam” của Phạm Đức Chính – Nguyễn Tiến Dũng (Nxb Chính trị, Quốc gia, 2014)...

1.3 Khái quát những kết quả có giá trị từ các công trình đã nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong quá trình thực hiện luận án

1.3.1 Đánh giá khái quát những kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

- Thứ nhất, các công trình về khái niệm “Mô hình dạy học truyền thụ”, “Mô hình dạy học kiến tạo” đã phân tích, luận giải tương đối sâu sắc, toàn diện về các khái niệm chính, trực tiếp liên quan đến “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo” như các khái niệm “Học tập chủ động”, “Dạy học lấy người học làm trung tâm”. Đặc biệt, từ tiếp cận triết học, tâm lý học giáo dục, giáo dục học, nhiều công trình đã cung cấp những tư tưởng, kiến thức sâu sắc, giá trị, cốt lõi cơ sở lý luận của “Mô hình dạy học kiến tạo”, qua đó giúp cho người đọc phân biệt được mô hình dạy học hiện đại và mô hình dạy học cổ truyền trên những nét chính yếu. Đồng thời, các công

trình cũng cho thấy xu hướng vận động của nền giáo dục tiến bộ là không thể đảo ngược.

- *Thứ hai*, về vấn đề các yếu tố tác động đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, nhiều công trình đã bàn đến một số tác động như: kinh tế, các chủ trương, chính sách liên quan đến giáo dục trong phạm vi các quốc gia phát triển, tiêu biểu là: Đức, Anh, Mỹ, Ostraylia, Phần Lan, Nhật Bản và một số nước Đông Á.

- *Thứ ba*, đã có rất nhiều công trình trong nước nghiên cứu, làm rõ thực trạng nền giáo dục Việt Nam, kiến giải khung lý luận về nguồn nhân lực, với các phương pháp thống kê, bảng biểu... khá rõ ràng.

1.3.2 Những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu và làm sáng tỏ

- *Thứ nhất*, trong một số vấn đề lý luận liên quan đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, bên cạnh việc làm rõ, hay phân biệt sự khác nhau giữa nền giáo dục cổ truyền và nền giáo dục tiến bộ, các công trình tuy có nói đến mối quan hệ giữa hai mô hình dạy học truyền thụ và kiến tạo, song việc lý giải mối quan hệ nội tại, vận động biện chứng từ mô hình sang mô hình kia vẫn còn là một mảng trống. Chúng tôi muốn vận dụng nguyên tắc thống nhất logic – lịch sử để làm rõ thực chất của sự chuyển đổi này.

- *Thứ hai*, về những yếu tố tác động đến sự chuyển đổi, mặc dù có những công trình đã luận giải, song mới chủ yếu bàn đến các yếu tố chính như kinh tế, khoa học, chủ trương, chính sách, ... song chưa đặt những tác động này trong một bức tranh tổng thể lớn hơn theo khung lý luận tồn tại xã hội – ý thức xã hội. Đây là điều cần tiếp tục làm rõ bằng tiếp cận của CNDVBC và CNDVLS.

- *Thứ ba*, tìm hiểu thực trạng sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo từ khung lý luận tồn tại xã hội – ý thức xã hội cần được tiếp tục làm rõ.

Tiểu kết chương 1

Đổi mới, cải cách giáo dục từ lâu đã trở thành mối quan tâm chính yếu về mặt lý luận, cũng như thực tiễn trên toàn thế giới, trong đó có vấn đề sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Đi vào từng mặt, từng phương diện cụ thể, từ nội hàm của các khái niệm, luận giải cơ sở lý luận của nó, phân tích tính tất yếu của sự chuyển đổi... là những nội dung chính đã được các công trình nghiên cứu làm rõ. Tuy vậy, để có một cái nhìn khái quát, hệ thống hơn nữa về thực chất sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, từ tiếp cận mang tính liên ngành giữa triết học giáo dục, tâm lý học giáo dục, giáo dục học, đặc biệt là bằng

phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử đối với vấn đề này vẫn còn là một mảng cần tiếp tục làm sáng tỏ.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ

SỰ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH DẠY HỌC TỪ TRUYỀN THỤ SANG KIẾN TẠO

2.1 Khung khái niệm cơ bản

2.1.1 Khái niệm “Mô hình dạy học”

“Mô hình dạy học” là sự diễn hình hóa những hoạt động, những mối quan hệ giữa các yếu tố trong cấu trúc hệ thống của quá trình đào tạo tại một cơ sở giáo dục. Có năm yếu tố cơ bản thuộc mô hình dạy học, bao gồm: mục tiêu dạy học, nội dung, chương trình dạy học, người dạy, người học, phương pháp dạy học. Ngoài ra có thể kể đến những yếu tố phụ như: môi trường dạy học, cách đánh giá kiểm tra.

Từ đây, chúng ta đi đến hai khái niệm “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”

2.1.2 Khái niệm “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”

+ *Khái niệm “Học tập chủ động” và “Học tập thụ động”; “Dạy học lấy người học làm trung tâm” và “Dạy học lấy người dạy làm trung tâm”*

Để làm sáng tỏ nội hàm khái niệm “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”, trước hết cần khảo sát các khái niệm chủ đạo, liên quan trực tiếp đến chúng, có bốn khái niệm như thế, đó là “Học tập chủ động” và “Học tập thụ động”, “Dạy học lấy người học làm trung tâm” và “Dạy học lấy người dạy làm trung tâm”.

Trong khi cặp khái niệm “Học tập chủ động” và “Học tập bị động” nhấn mạnh vào khía cạnh phương pháp học tập, thì cặp khái niệm “Dạy học lấy người học làm trung tâm” và “Dạy học lấy người thầy làm trung tâm” lại nhấn với khía cạnh chủ thể của quá trình dạy học. Ở mỗi phương diện như thế, nội hàm của các khái niệm này lần lượt được làm rõ

+ *Khái niệm “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”*

Như vậy, mỗi cặp khái niệm trên đã nhấn mạnh vào một yếu tố trong cấu trúc của “Mô hình dạy học”. Tuy đã được phân biệt khá rõ, song những yếu tố ấy mới chỉ được bàn đến một cách tương đối độc lập, chưa đặt trong tính liên kết, chính thể với các yếu tố còn lại của “mô hình dạy học”. Bởi vậy, luận án đề xuất khái niệm “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”, trong đó “Truyền thụ” và “Kiến tạo” được hiểu như là những tính từ, chỉ tính chất chung, đặc trưng cho một mô hình dạy học.

2.2 Các quan điểm chính về mối quan hệ giữa mô hình dạy học truyền thụ và mô hình dạy học kiến tạo

2.2.1 Quan điểm của logic hình thức về mối quan hệ giữa “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”

Xuất phát từ mục đích phân biệt, chỉ ra những đặc trưng khác nhau của nền giáo dục tiến bộ và nền giáo dục cổ truyền, đồng thời với sự cổ vũ to lớn trong khoa học tâm lý học, thần kinh học về phương pháp “Học tập chủ động” đã dẫn đến quan điểm logic hình thức về mối quan hệ giữa “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”. Theo đó, quan điểm này cho rằng hai mô hình này hoặc là tách rời hoặc giao nhau. Quan điểm này đã trừu tượng hóa đi rất nhiều mối liên hệ nội tại, mang tính khách quan, biện chứng của các yếu tố trong hai mô hình này, và điều đó dẫn đến khó khăn nhất định khi chủ thể nhận thức phải xem xét việc lựa chọn mô hình nào. Đề cao tuyệt đối “Mô hình dạy học kiến tạo”, hạ thấp “Mô hình dạy học truyền thụ”, hoặc có thừa nhận sự liên quan của một số yếu tố trong cả hai mô hình này đều là cái nhìn chưa thật sự đầy đủ, khách quan, gây ra những bất cập trong quá trình thao tác hóa. Quan điểm logic biện chứng về mối quan hệ giữa hai mô hình này sẽ khắc phục những hạn chế trên.

2.2.2 Quan điểm của logic biện chứng về mối quan hệ giữa “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”

Vận dụng nguyên tắc thống nhất logic – lịch sử - một trong hai nguyên tắc của logic biện chứng để làm rõ thực chất mối quan hệ giữa hai mô hình này chính là đặt từng yếu tố trong cấu trúc của “Mô hình dạy học” và dòng chảy lịch sử tư tưởng về đổi mới giáo dục, theo sát sự vận động của nó, để thấy trạng thái chín muồi trong hiện tại chính là kết quả, là tổng sống của toàn bộ các trạng thái đã tồn tại trước đó về mặt lịch sử.

a. *Về mục tiêu dạy học*: bằng sự đổi mới theo lịch sử tư tưởng về giáo dục, chúng ta thấy có sự vận động trong quan niệm về mục tiêu dạy học. Dạy học từ chỗ

được hiểu như hoạt động nhằm cung cấp tri thức thỏa mãn nhu cầu “yêu mến sự thông thái” đến chỗ trạng bị văn hóa giúp con người hướng đến Chân, Thiện, Mỹ; từ chỗ là hoạt động chủ yếu phục vụ nhu cầu tinh thần đến phục vụ cả nền sản xuất vật chất của xã hội; từ chỗ phục vụ thiểu số đến phục vụ đa số, từ chỗ nhằm phát triển những năng lực tinh thần đến chỗ phát triển năng lực toàn diện, trong đó có năng lực lao động, sản xuất vật chất, từ chỗ dạy học chỉ được hiểu là hoạt động truyền thụ kinh nghiệm, tri thức của thế hệ trước đến chỗ là hoạt động để phát triển nhân cách con người, con người vừa là đối tượng, vừa là mục tiêu của dạy học. Đó là sự vận động theo xu hướng tiến bộ, phát triển, mà nếu có thể khái quát lại, chúng tôi gọi là khuynh hướng của mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Tiếp theo, cùng đổi theo sự chuyển đổi này ở phương diện nội dung, chương trình dạy học.

b. Về nội dung dạy học:

Sự tập trung của John Dewey vào vấn đề đổi mới giáo dục, với tư cách vừa là một nhà triết học, vừa là một nhà tâm lý học, vừa là một nhà thực hành cải cách giáo dục vào đầu thế kỷ XX, ở tại Mỹ - một quốc gia có nền đại công nghiệp phát triển nhất thế giới, khiến tư tưởng của ông mang tầm khái quát và ảnh hưởng lớn. Ông trở thành người phát động về tư duy đổi mới giáo dục kể từ đầu thế kỷ XX. Bất kỳ nhà tư tưởng nào, nhà khoa học về giáo dục nào tham gia vào hành trình tư duy đổi mới giáo dục cũng có thể tìm thấy những tiền đề tư tưởng của mình trong học thuyết của John Dewey. Các khái niệm “Dạy học lấy người học làm trung tâm”, “Dạy học tích cực” hay các lý thuyết học tập về trẻ em đều có cội rễ từ tư tưởng từ John Dewey. Các thành tựu về cải cách giáo dục trong thế kỷ XX ở các nước phát triển đều có dẫn xuất phần nào từ tư tưởng của John Dewey. Học tập dựa trên trải nghiệm cá nhân, học cách tư duy, học tập dựa trên việc thấu hiểu mối quan hệ giữa “kinh nghiệm” và “giáo dục” là những nguyên tắc cơ bản trong nền giáo dục tiến bộ mà ông đề xuất. Sự chuyển đổi của mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở phương diện nội dung, chương trình dạy học, trong quan điểm của John Dewey không phải là sự đoạn tuyệt, phủ định hoàn toàn những tri thức, di sản của quá khứ, mà là tìm cách tổ chức lại chúng trên cơ sở mới, gắn với sự phát triển của trải nghiệm cá nhân người học. Đó mãi là nguyên tắc quan trọng, thể hiện tính chất biện chứng sâu sắc trong tư tưởng cải cách giáo dục.

c. Về người dạy:

Dù cách nhau hơn một thế kỷ, song quan điểm về người thầy ở các nhà tư tưởng như Rausserau và John Dewey có những sự kế thừa, bổ sung nhất định. Xuất phát từ thực tiễn xã hội vào thế kỷ XVIII, khác với yêu cầu về một

người thầy đơn thuần truyền thụ tri thức của nền giáo dục cổ truyền, Người thầy kiến tạo không phải là hình ảnh đối lập, phủ định hoàn toàn, mà thực chất vẫn kế thừa các giá trị của của người thầy truyền thụ: đó là đạo đức sư phạm người thầy, là lòng mong mỏi phát triển con người, là vai trò kết nối xã hội, là nhiệm vụ trang bị cho người học ở những kiến thức nền tảng ban đầu, là một thành tố trong tính đa dạng của lối dạy cá nhân hóa... Chỉ khi nhìn nhận theo cách đó, người thầy kiến tạo mới trở nên đầy đủ, như là kết quả, là tổng số, là cái logic mang trong mình toàn bộ lịch sử dẫn đến nó. Cùng với sự vận động trong quan niệm người thầy, tiếp tục đổi theo sự vận động trong quan niệm về người học.

d. *Về người học:*

Sự vận động trong tư tưởng giáo dục về người học được thể hiện từ Thuyết Hành vi sang thuyết Kiến tạo. Tìm hiểu nội dung của thuyết Hành vi và thuyết Kiến tạo từ phương diện xem xét, luận giải cơ chế lĩnh hội tri thức của người học trong chính thể, chúng tôi cho rằng hai lý thuyết này không hề đối lập, loại trừ nhau. Thuyết Hành vi là một cách tiếp cận từ bên ngoài, thuyết Kiến tạo là một cách tiếp cận từ bên trong đối với cùng một chủ thể là người học. Qua đó, con người có thêm tri thức khoa học sâu sắc hơn về các cơ chế tiếp nhận tri thức của người học. Mỗi học thuyết đều có điểm ưu điểm, và hạn chế, chúng bổ sung cho nhau, và đều có ý nghĩa riêng trong quá trình dạy học hướng đến cá thể hóa - một xu hướng nổi bật hiện nay trong giáo dục. Hơn lúc nào hết, vấn đề người học như một chủ thể của giáo dục được soi sáng từ góc độ khoa học giáo dục, tâm lý học giáo dục càng trở nên thuyết phục hơn, cụ thể hóa hơn, có những chỉ dẫn thiết thực cho quá trình hiện thực hóa. Bước chuyển dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo có thêm một cơ sở tất yếu, khách quan, trở thành một xu hướng không thể đảo ngược.

e. *Về phương pháp dạy học:*

Phương pháp truyền dạy một chiều, bắt nguồn từ giáo dục thời kỳ Trung cổ trở thành phương pháp chiếm ưu thế, là đặc trưng của nền giáo dục cổ truyền, được duy trì cho đến đầu thế kỷ XX, thậm chí cho đến hiện nay. Việc xem xét lại phương pháp dạy học chỉ được đặt ra cùng với những thay đổi trong nhận thức về mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, người dạy, người học. Phương pháp dạy học trong nền giáo dục tiên bộ đòi hỏi quay trở về tính tương tác giữa người dạy và người học thời kỳ Cổ đại, nhưng trên một nền tảng cao hơn. Nền tảng ấy phải dựa trên sự am hiểu thật sự khoa học về tâm lý học giáo dục, về hoạt động của não bộ, của tâm lý học lứa tuổi, cùng sự hỗ trợ của các kỹ thuật tiên tiến về công nghệ. Dù sử dụng kỹ thuật nào, các phương pháp đều phải hướng đến việc tăng cường về chất mối quan hệ tương

tác giữa thầy và trò, ở đó người thầy đóng vai dẫn dắt, định hướng để trò tự khám phá, tự tìm kiếm câu trả lời, phát huy tinh thần sáng tạo.

2.3 Tính tất yếu của sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo.

Sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo tuy được đề cập từ khá sớm trong tư tưởng, nhưng chỉ thực sự diễn ra khi nền kinh tế công nghiệp chuyển sang nền kinh tế tri thức. Đó chính là cơ sở lý giải tính tất yếu của sự chuyển đổi này.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 trình bày một số vấn đề lý luận về sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Ở nội dung thứ nhất, làm rõ các khái niệm then chốt như “Mô hình dạy học”, “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”, luận án xuất phát từ việc tìm hiểu những khái niệm gần gũi, có tính chủ đạo, phổ biến như “Học tập chủ động”, “Học tập thụ động”, “Học tập lấy người học làm trung tâm”, “Học tập lấy người dạy làm trung tâm”. Dựa trên cách hiểu cơ bản nhất, chúng tôi nhận thấy mỗi cặp khái niệm tập trung nhấn mạnh một phương diện nào đó của mô hình học tập: hoặc là phương pháp học tập, hoặc là chủ thể học tập, song chưa đề cập nhiều đến các yếu tố còn lại. Trong khi đó, “Mô hình dạy học” là một hệ thống các yếu tố, có chức năng, vị trí riêng biệt, song liên kết với nhau trong chỉnh thể. Việc chỉ nhấn mạnh yếu tố này hay yếu tố khác trong cấu trúc không đủ làm nên đặc trưng của một mô hình dạy học nhất định, gây khó khăn trong việc hình dung, thực thi và chuyển giao. Do đó chúng tôi đề xuất hai khái niệm “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”, trong đó xem “truyền thụ” và “kiến tạo” như là đặc trưng chủ đạo của mỗi mô hình, “nhuộm màu” lên các yếu tố trong hệ thống. Điều này có ý nghĩa trong việc tạo ra sự thuận tiện trong sự hình dung về đặc trưng của từng mô hình, đồng thời là cơ sở để dẫn dắt ta tìm hiểu thực chất của sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Ở nội dung thứ hai, về mối quan hệ giữa “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo”, chúng tôi thấy có hai quan điểm nổi bật. Quan điểm của logic hình thức nhìn hai mô hình này trong sự đối lập, tách rời. Tuy điều đó thuận tiện cho việc hiểu rõ ưu, nhược điểm của từng mô hình, song sẽ gây khó khăn trong việc lựa chọn mô hình tối ưu. Chúng tôi đi theo quan điểm của logic học biện chứng, với nguyên tắc thống nhất logic – lịch sử trong xem xét mối quan hệ giữa hai mô hình này.

Chương 3

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ NỘI DUNG CỦA SỰ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH DẠY HỌC TỪ TRUYỀN THỤ SANG KIẾN TẠO

3.1 Tác động của các yếu tố bên ngoài đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo

3.1.1 Tác động của phương thức sản xuất đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo

Ở phần này, luận án phân tích, làm rõ tác động của phương thức sản xuất đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo thông qua việc làm rõ, sự thay đổi về công cụ sản xuất, phương thức tổ chức sản xuất từ nền sản xuất công nghiệp sang nền kinh tế tri thức đã tác động đến nguồn nhân lực như thế nào, qua đó đặt ra yêu cầu thay đổi mô hình dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực.

Nền kinh tế tri thức với các đặc điểm về trình độ công cụ lao động, trình độ tổ chức sản xuất và nhu cầu về người lao động chất lượng cao, đại chúng đang dần trở thành một hình thái kinh tế nổi trội của thực tại và tương lai. Trước yêu cầu như thế về nguồn nhân lực, rõ ràng mô hình dạy học truyền thụ không thể đáp ứng được nữa, mặc dù trong giai đoạn quá độ từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức, nền sản xuất công nghiệp vẫn được duy trì ở quy mô nhất định, đặc biệt ở các nước đang phát triển thì mô hình này vẫn còn phát huy. Song tất cả điều này không thể phủ nhận rằng, cần phải có bước chuyển hóa từ mô hình dạy học truyền thụ sang mô hình dạy học mới. Đó là mô hình dạy học kiến tạo, giúp đào tạo những con người lao động đại chúng, không những giỏi về trình độ, kỹ năng, mà còn có khả năng linh hoạt, thích ứng, làm chủ, và biết học hỏi suốt đời.

3.1.2 Tác động của yếu tố điều kiện tự nhiên và dân số đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo

Những thay đổi về điều kiện địa lý tự nhiên sẽ ảnh hưởng đến mô hình dạy học truyền thụ. Một mô hình dạy học truyền bá những tri thức có

sẵn, từ quá khứ, được thẩm định, mang tính quy luật, rõ ràng, minh bạch, những kỹ năng đã lên khuôn, lên hình đã không thể đứng vững trước môi trường tự nhiên và môi trường xã hội đang đổi thay từng ngày, không theo quy luật, chứa đựng nhiều yếu tố “bất định”. Cần phải có một mô hình dạy học mới, trang bị cho con người sự chủ động, linh hoạt, khả năng thích ứng trước những thay đổi của hoàn cảnh. Đó rõ ràng phải là sự thay đổi mang tính hệ hình tư duy, trước khi bàn vào cụ thể những điều cần làm.

Cùng với điều kiện tự nhiên, yếu tố dân cư cũng có những tác động nhất định đến sự bước chuyển mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Một số điểm nổi trội trong vấn đề yếu tố dân cư trong giai đoạn chuyển mình từ sản xuất công nghiệp sang kinh tế tri thức và toàn cầu hóa: thứ nhất là sự bùng nổ dân số trên toàn thế giới, trong đó dân số trẻ là đặc trưng của các nước đang phát triển, dân số già là đặc trưng của các nước phát triển; tiếp theo là sự di cư mạnh mẽ trong bối cảnh bất ổn về kinh tế, chính trị ở các quốc gia trên thế giới; cuối cùng là bối cảnh toàn cầu hóa làm cho vấn đề dân cư xét theo tiêu chí ranh giới quốc gia - dân tộc bị mờ nhạt, và làm nổi lên khái niệm “công dân toàn cầu

3.2 Tác động của các yếu tố bên trong đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo

3.2.1 Tác động của ý thức chính trị, ý thức pháp quyền đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo

Bước chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa đã khiến các chính phủ nhìn nhận lại thực trạng giáo dục nước mình và đưa ra những điều chỉnh. Chủ trương cải cách giáo dục nhấn mạnh vào việc trang bị tri thức khoa học kỹ thuật cho con người, nhằm tăng năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế, hay nhấn mạnh vào việc phát triển toàn diện con người là những lựa chọn khác nhau, xuất phát từ điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội khác nhau. Mỗi mô hình đều có những ưu điểm và hạn chế, cần được tham khảo và bổ sung cho nhau. Ta hiểu ra, việc chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo là một xu thế tất yếu khách quan, nhưng lựa chọn mô hình nào, thực hiện ra sao, cần phải đặt giáo dục vào trong phức hợp các yếu tố hệ thống xã hội, khi đó việc cải cách hay sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo mới đạt được hiệu quả.

3.2.2 Tác động của ý thức khoa học, đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo

+ *Tác động của ý thức khoa học đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo:*

Theo sự khái quát của tác giả Vũ Cao Đàm, giáo dục và khoa học đã có mối quan hệ mật thiết từ thời cổ đại cho đến nay, được chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn 1, với sứ mệnh truyền bá tri thức khoa học, giáo dục đi sau khoa học; giai đoạn 2, do sự quy định của cách mạng công nghiệp và nền sản xuất công nghiệp, giáo dục tiến lên ngang hàng với khoa học, tương tác mạnh mẽ hơn với khoa học; giai đoạn 3, giáo dục vượt lên trước khoa học, khai phá và đào tạo về phương hướng dự báo khoa học, đào tạo nhân lực nghiên cứu khoa học, mở đường cho khoa học phát triển. Điều này trở thành một cơ sở quan trọng để mô hình dạy học phải có sự chuyển đổi từ truyền thụ sang kiến tạo, nhằm đào tạo những con người có khả năng sáng tạo, khai phá khoa học mới.

+ *Tác động của ý thức đạo đức, tôn giáo, thẩm mỹ đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo.* Cùng với ý thức khoa học, các hình thái ý thức khác như đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo cũng tác động đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Các hình thái ý thức này, trên cơ sở phản ánh tồn tại xã hội, giúp định hình một khung mẫu chung về con người, phù hợp với nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa, phù hợp với bối cảnh đầy biến động. Các tiêu chuẩn, giá trị mà sự chuyển đổi mô hình dạy học hướng tới được định hình, làm rõ, hỗ trợ, lý giải, bổ sung một cách phong phú thêm thông qua các hình thái ý thức đa dạng như tôn giáo, đạo đức, thẩm mỹ. Qua đó nó khiến sự đồng thuận trong xã hội về đổi mới giáo dục được nâng cao hơn.

3.3 Các nội dung chính của sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo

3.3.1 Về mục tiêu dạy học:

Từ chỗ xem hai mục tiêu dạy học vì phát triển kinh tế và dạy học vì sự phát triển con người là đối lập đến chỗ xem hai mục tiêu là sự thống nhất.

3.3.2 Về nội dung, chương trình dạy học:

- *Thứ nhất*, do thông tin đang dần trở thành thứ tài nguyên chủ đạo trong nền kinh tế mới, nội dung dạy học cần có sự điều chỉnh theo hướng chú trọng vào khối tri thức khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin.

- *Thứ hai*, trong bối cảnh thông tin bùng nổ, đa dạng, và biến đổi liên tục, khoa học công nghệ rút ngắn khoảng cách với sự ra đời của sản phẩm, sự kết nối giữa tri thức và thực tiễn trở thành một cơ sở khách quan, quy định đặc trưng cho nội dung, chương trình dạy học trong mô hình mới. Tri thức phải được truyền tải theo cách giải quyết những vấn đề có thực, dưới dạng các dự án phù hợp với phạm vi nhà trường. Qua đó, giúp người học làm rõ được câu hỏi “Tại sao?”, “Nhằm mục đích gì?” trước khi hiểu tri thức ấy “Như thế nào?” một cách biệt lập.

- *Thứ ba*, dạy cách học, cách tư duy, thay vì nhồi nhét tri thức phải trở thành một nội dung căn bản trong xây dựng nội dung, chương trình dạy học mới.

- *Thứ tư*, hợp tác nhóm sẽ là hình thức tổ chức làm việc hiệu quả trong nền kinh tế tri thức. Ngoài tri thức chuyên môn - phần cứng, điều kết nối các cá nhân, với cá tính, đặc điểm, văn hóa khác nhau chính là kỹ năng mềm: đó là năng lực biết lắng nghe, tinh thần cầu thị, tôn trọng người khác, chấp nhận khác biệt, là khả năng thấu cảm, đồng cảm, thông minh cảm xúc.

3.3.3 Về người dạy

- *Thứ nhất*, người dạy chuyển từ vai trò độc tôn truyền thụ tri thức sang vai trò người hướng dẫn, đồng hành với người học.

- *Thứ hai*, yêu cầu trau dồi tri thức mang tính tổng hợp khiến người dạy trong mô hình dạy học kiến tạo trở nên linh hoạt hơn, và có sự kết nối với các đồng nghiệp khác tốt hơn.

- *Thứ ba*, để người dạy thực hiện được những điều trên, điểm tiên quyết là họ cần có sự tự chủ trong nghề nghiệp.

- *Thứ tư*, tất cả những nội dung trên về người dạy trong mô hình dạy học kiến tạo sẽ vẫn là chưa đủ, nếu thiếu đi một điều quan trọng nhất: đó là tình yêu nghề sư phạm.

3.3.4 Về người học

Nói đến vấn đề người học trong sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, trọng tâm chính là việc xây dựng ham muốn học tập từ bên trong của họ. Nó không hình thành một cách tự nhiên và giản đơn, cũng không thể có thể khơi gợi chỉ bằng dăm ba phương pháp kỹ thuật của dạy học. Nó đòi hỏi nỗ lực từng ngày trong việc kiến tạo môi trường giáo dục

cho từng người học, phù hợp với sự thay đổi từng ngày của họ. Nó là một thách thức đối với không chỉ người làm thầy, mà của cả hệ thống quản lý giáo dục.

3.3.5 Về phương pháp dạy học

Khác với phương pháp truyền thống, các phương pháp dạy học mới được thiết kế đa dạng hóa, phong phú, với đặc trưng nhấn mạnh tính tương tác giữa người dạy và người học, chú trọng kích thích ham muốn bên trong của người học cũng như hình thành cách tư duy của họ. Chẳng hạn, *phương pháp vấn đáp; phương pháp thảo luận; phương pháp viết ...* Ngoài các phương pháp này, còn có các phương pháp quan sát vật thật, phương pháp thí nghiệm, phương pháp đóng vai; các phương pháp mang tính kỹ thuật sử dụng các máy móc: máy chiếu đa năng (Projector), máy chiếu hắt (Overhead), VTR, máy tính... Việc phát triển các phương pháp dạy học là cơ sở để mở rộng hơn nữa các hình thái tổ chức lớp học (học theo nhóm nhỏ, học tập cá biệt), cũng như nội dung học.

3.3.6 Về môi trường dạy học

Trong môi trường dạy học của mô hình dạy học kiến tạo, để tạo dựng lòng ham muốn học tập của người học, mối quan hệ, tương tác giữa người dạy và người học đóng vai trò then chốt, sau đó mới là các tương tác khác. Thầy cô phải mở lòng đón nhận người học. Mỗi học trò là một cá thể khác biệt và đầy cá tính. Cá tính đó có thể tốt hoặc xấu, thuận lợi hoặc không thuận lợi cho việc học. Và thầy cô cần chấp nhận điều đó trên cơ sở tôn trọng, thấu hiểu, đồng cảm. Điều này giúp thầy cô nắm bắt chính xác những vấn đề học trò đang đối mặt, gợi mở những tri thức hữu dụng giúp họ giải quyết vấn đề, đem lại ý nghĩa của tri thức. Nhờ đó người học hiểu được ý nghĩa của việc học tập, ham muốn học tập được kích thích và nâng cao. Lòng thấu cảm khiến thầy cô không gò ép học trò vào một phương pháp học tập cố định, mà kiên nhẫn chờ đợi tư duy học trò trải qua quá trình thử - sai. Nếu người học không được thử nghĩ, thử làm, thì họ sẽ không tự khám phá được cách làm nào là hiệu quả, là phù hợp nhất.

Tiểu kết chương 3

Chương này tập trung phân tích, luận giải tính tất yếu của sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, thông qua việc chỉ ra các yếu tố tác động đến sự chuyển đổi này từ khung lý thuyết tồn tại xã hội - ý

thức xã hội của quan điểm duy vật biện chứng và quan điểm duy vật lịch sử. Chúng ta nhận ra, giáo dục nói chung, mô hình dạy học nói riêng là một yếu tố không thể tách rời khỏi chính thể hệ thống xã hội. Sự vận động của nó, về cơ bản chịu sự quy định của tồn tại xã hội - yếu tố bên ngoài, và các hình thái ý thức khác - các yếu tố bên trong. Sự chuyển tiếp từ nền sản xuất công nghiệp sang nền kinh tế tri thức trong bối cảnh toàn cầu hóa là yếu tố khách quan, tất yếu quyết định nội dung của sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Ở đó, mỗi phương diện của mô hình dạy học kiến tạo hiện lên theo cách thu vào trong nó - cái tổng thể phong phú, đa dạng, phát triển hơn - những giá trị của dạy học truyền thụ như một yếu tố hữu cơ, tòng thuộc, cùng liên kết với những yếu tố mới trong một chính thể toàn vẹn, không thể tách rời. Tất cả chúng làm nên cách nhìn nhận thực chất về quan điểm “Dạy học lấy người học làm trung tâm”. Để mô hình dạy học kiến tạo phát huy tác dụng trong việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong bối cảnh toàn cầu hóa, toàn bộ cấu trúc của dạy học cần được chuyển đổi, vận hành theo nguyên tắc xây dựng, tạo điều kiện thúc đẩy ham muốn học tập của người học từ bên trong. Đó là nguyên tắc cốt yếu để xem xét hiệu quả của bất kỳ công cuộc cải cách giáo dục nào. Từ nguyên tắc này, cùng tìm hiểu sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam ở chương tiếp theo.

Chương 4

SỰ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH DẠY HỌC TỪ TRUYỀN THỤ SANG KIẾN TẠO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

4.1 Thực trạng chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang Kiến tạo ở Việt Nam hiện nay

4.1.1 Thực trạng chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay

a) *Thực trạng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay và xu hướng của nó*

Thứ nhất, trình độ công nghiệp hóa của nước ta vẫn đang ở giai đoạn tương đương với cuộc cách mạng công nghiệp lần hai, có chớm sang giai đoạn đầu của cách mạng công nghiệp lần ba. Việt Nam, về cơ bản, vẫn là một nước nông nghiệp, thuộc nhóm các nước đang phát triển.

Thứ hai, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam vẫn đang tiếp tục diễn ra, và không tách rời bối cảnh chung của thế giới: đó là sự

phát triển như vũ bão của khoa học, công nghệ và sự hình thành nền kinh tế tri thức. Với sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức, Việt Nam mong muốn rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, mong muốn đó cần phải gắn liền với việc nhìn nhận mình đang ở đâu trong nền kinh tế tri thức. Nếu căn cứ vào nội hàm cơ bản của kinh tế tri thức, rằng đó là nền kinh tế mà hàm lượng tri thức chiếm chủ đạo trong giá trị sản phẩm, ta thấy thực tế nền kinh tế Việt Nam cũng còn đang ở rất xa so với nền kinh tế tri thức. Thực trạng kinh tế trên cho thấy Việt Nam chưa có bước chuyển về cơ bản từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, do đó chưa thể có sự thay đổi mạnh mẽ trong sự chuyển đổi mô hình dạy học. Về cơ bản, tại Việt Nam, mô hình dạy học truyền thụ vẫn đang chiếm vị trí chủ đạo.

b) *Thực trạng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.*

Đặc điểm lớn nhất của nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay là dồi dào về số lượng, nhưng hạn chế về chất lượng, mà một trong những nguyên nhân chính là do chất lượng giáo dục đào tạo còn khiêm tốn, chưa đáp ứng được yêu cầu kinh tế. Hệ thống giáo dục vẫn hoạt động chủ quan theo phía cung mà không dự báo cho phía cầu, khiến người học sau khi tốt nghiệp không phù hợp với yêu cầu của công việc, cùng với đó là các nguyên nhân về cơ chế, chính sách, về sự quản lý của Nhà nước, về đầu tư của nhà nước... Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, nguồn nhân lực Việt Nam cũng như nền kinh tế đang đứng trước những nguy cơ và thách thức rất lớn, khả năng tụt hậu so với các nước trong khu vực cũng như các nước phát triển.

Dựa trên việc phân tích đặc điểm của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như thực trạng chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là thực trạng giáo dục đào tạo nguồn nhân lực hiện nay, có thể thấy đặc điểm lớn nhất của sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay là: mô hình dạy học truyền thụ đang chiếm vai trò chủ đạo.

4.1.2 Thực trạng chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo gắn với chủ trương, chính sách cải cách giáo dục của Đảng, Nhà nước

Trong số các chủ trương, chính sách đổi mới giáo dục thích ứng với bối cảnh mới của nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI (11/2013) được đánh giá là có ý nghĩa lịch sử lớn lao, mở ra cục diện mới cho sự phát triển giáo dục nước nhà. Bởi Nghị quyết này, lần đầu tiên trong lịch sử, đã xác định sự một sự đổi mới “căn bản, toàn diện” đổi giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Điểm nổi bật trong chủ trương đổi mới giáo dục, thể hiện trong Nghị quyết 29 là khẳng

định phải chuyển đổi trong đào tạo nguồn nhân lực từ chỗ chú trọng truyền thụ tri thức sang chú trọng năng lực, phẩm chất.

Như vậy, xét ở phương diện tư duy, nhận thức của Đảng, Nhà nước, đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình dạy học truyền thụ sang mô hình dạy học kiến tạo. Tuy vậy, với khoảng thời gian chưa đủ dài để có những tổng kết, đánh giá, chủ trương của Nghị quyết 29 vẫn đang tiếp tục thực hiện hóa. Trong quá trình này, mặc dù về mặt tư duy, nhận thức, Đảng và Nhà nước đã nhìn thấy và nhấn mạnh mô hình dạy học kiến tạo là mô hình chủ đạo trong quá trình đổi mới giáo dục, tuy vậy việc thực hiện hóa nó còn là một vấn đề, đòi hỏi tâm sức và thời gian gấp nhiều lần hơn nữa.

4.1.3 Thực trạng chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo gắn với khoa học, công nghệ.

Nói về xu hướng mới của khoa học và giáo dục hiện nay, tác giả Vũ Cao Đàm cho rằng có hai luận điểm lớn đáng chú ý. Luận điểm thứ nhất về cuộc cách mạng trong khoa học. Luận điểm lớn thứ hai là về cách mạng trong khoa học và giáo dục, rằng giáo dục phải vượt lên trước khoa học. Giáo dục phải tự trang bị cho mình có đủ năng lực đào tạo ra những con người có kỹ năng thích ứng, nhanh nhạy với những biến đổi, những rủi ro và những khủng hoảng.

Chiếu hai luận điểm lớn trên đây vào thực trạng mối quan hệ Khoa học và Giáo dục Việt Nam hiện nay, tác giả Vũ Cao Đàm nhận định “Giáo dục Việt Nam vẫn dừng ở giai đoạn đi sau khoa học

Với rất nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, trong điều kiện kinh tế còn hạn chế, có thể nói ở Việt Nam, giáo dục đang đi sau khoa học, còn cách khá xa với xu thế đang diễn ra. Từ đó có thể suy ra thực trạng của mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo trong mối tương quan với khoa học, công nghệ, rằng mô hình dạy học truyền thụ đang chiếm vị thế chủ đạo.

4.1.4 Thực trạng chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo gắn với ý thức đạo đức, ý thức thẩm mỹ ở Việt Nam hiện nay

Có hai điểm đáng chú ý khi nói về tình hình biến đổi của ý thức đạo đức, ý thức thẩm mỹ ở Việt Nam hiện nay. *Điểm chú ý thứ nhất*, đang có một sự rối loạn về chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực thẩm mỹ ở mức độ nhất định ở nước ta. *Điểm chú ý thứ hai*, đó là sự tác động có tính hai mặt của thước đo giá trị thích ứng với nền kinh tế thị trường lên đạo đức, thẩm mỹ, đặc biệt là giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ. “Quy luật giá trị” - một khái niệm cơ bản, đặc trưng của nền kinh tế thị trường, đề cao hiệu quả kinh tế hoặc lợi nhuận, coi đó là thước đo giá trị cao nhất của một chủ thể kinh tế - một quốc

gia, một doanh nghiệp hay một cá nhân. Trở thành thước đo giá trị phổ quát, “Quy luật giá trị” giúp kích thích việc sử dụng, khai thác tối đa các nguồn lực tự nhiên và xã hội trong quá trình sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nó cũng đồng thời thâm nhập vào các phương diện khác của xã hội (ý thức đạo đức, thẩm mỹ), tạo ra những ảnh hưởng có tính hai mặt đối với việc xây dựng giá trị nhân cách con người.

4.1.5 Thực trạng chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo gắn với ý thức tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Có thể thấy đời sống tôn giáo nước ta qua 30 năm đã có nhiều biến đổi theo hướng đa dạng hóa, sôi động, và ngày càng hiện đại. Với một đời sống như thế, đạo đức tôn giáo cũng thay đổi theo. Tuy chưa có những tổng kết chính thức, song đạo đức tôn giáo nói riêng, ý thức tôn giáo nói chung cũng đang ở giai đoạn có nhiều biến chuyển đan xen giống như ý thức đạo đức, ý thức thẩm mỹ. Điều này sẽ tác động đến sự thay đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, theo hướng giúp người học trở nên linh hoạt hơn, thích ứng hơn với những biến động trong đời sống tình cảm, hành vi của mình.

4.2 Một số gợi ý về giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng của quá trình chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay

4.2.1 Giải pháp gắn với kinh tế

Giải pháp chính để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay đi nhanh hơn, hiệu quả hơn, qua đó tạo cơ sở vững chắc cho sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, chính là điều chỉnh mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng gắn với “nền kinh tế tri thức”. Để thực hiện tốt giải pháp này, cần giải quyết tốt các mối quan hệ bên trong như: quan hệ giữa phát triển nhanh và hiệu quả; quan hệ giữa công nghệ cao và công nghệ truyền thống, quan hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ, quan hệ giữa các khu vực doanh nghiệp trong và ngoài nước... Có được nền công nghiệp phát triển sẽ là nền tảng chắc chắn cho sự chuyển đổi nhanh, chất lượng mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở nước ta.

4.2.2 Giải pháp gắn với chủ trương, chính sách đổi mới giáo dục của Đảng, Nhà nước

Thứ nhất, như tinh thần của Nghị quyết 29 đã nêu, “đổi mới căn bản toàn diện” trước tiên là đổi mới về tư duy, nhận thức, chuyển từ chủ yếu truyền thụ tri thức sang coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực. Đây là một chủ trương đúng, phù hợp với xu thế. Tuy nhiên, để hiện thực hóa điều này

không phải dễ dàng, trước hết về mặt nhận thức. Khó khăn có thể nằm ngay trong việc hiểu đúng các khái niệm then chốt, như phân biệt “*Đạy học tích cực*” và “*Giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm*”, phân biệt “*Học tập tích cực*” và “*Đạy học tích cực*”. Luận án lấy một ví dụ trong cuốn sách của ông Tanaka Yoshitaka để minh họa cho sự nhầm lẫn khái niệm này, và đi đến kết luận rằng, việc giải pháp gắn với chủ trương đổi mới giáo dục cần xuất phát ngay từ việc hiểu đúng các khái niệm cơ bản.

Thứ hai, cũng trong giải pháp này, việc thực hiện đổi mới nội dung sách giáo khoa cần chú ý, bên cạnh việc làm việc theo đúng quy trình nghiêm ngặt để bảo đảm mục tiêu đề ra, cần phát huy phản biện xã hội – một ưu thế của thời kỳ bùng nổ thông tin.

Thứ ba, ở nội dung đổi mới đối với giáo viên, cần chú ý hai điều. *Một là*, việc đổi mới người dạy phải được xem như một chỉnh thể, tổng thể chứ không phải chỉ ở vài ba phương diện. *Hai là*, một trong những điều phải đổi mới đầu tiên chính là xây dựng cho người dạy cách hiểu đúng đắn, nghiêm túc về khái niệm then chốt “*Giáo dục lấy người học làm trung tâm*”.

4.2.3 Giải pháp gắn với đổi mới khoa học, công nghệ

Giải pháp thứ nhất là cần thay thế cách thức quản lý độc tôn của Nhà nước với Khoa học và Giáo dục bằng cách để nó tồn tại, phát triển trong tính đa dạng, đa thành phần.

Giải pháp thứ hai là cần tái tạo mối liên hệ giữa Khoa học và Đào tạo.

Giải pháp thứ ba là tái tạo mối liên hệ giữa khoa học và sản xuất. Sự tách rời này cũng giống với sự tách rời giữa đào tạo và nghiên cứu.

Cuối cùng là giải pháp xây dựng một nền khoa học và giáo dục tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đây chính là bản chất tự nhiên của khoa học và giáo dục. Có tự chủ thì tự khắc mối liên hệ giữa khoa học và giáo dục ở Việt Nam sẽ hòa nhập được vào xu thế chung của thế giới, là cơ sở để giáo dục có thể tiến lên ngang hàng với khoa học và thậm chí đi trước khoa học.

4.2.4 Giải pháp gắn với ý thức đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo

Sự chuyển nền kinh tế từ cơ chế quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường đã tạo nên nhiều biến động trong ý thức đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo ở nước ta. Có điều, đây vẫn là một thời kỳ quá độ, với những đan xen giữa truyền thống và hiện đại, cũ và mới, tốt và xấu, chưa định hình những đặc trưng rõ rệt. Và những điều này có ảnh hưởng, tác động đến bước chuyển mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Cùng với quá trình dạy học theo xu hướng “*học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, và học để làm người*”, những nội dung mới về đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo cần góp phần hỗ

trợ, củng cố để người học, người lao động hiểu được những giá trị chung của thời đại, những bản sắc riêng của dân tộc và vị trí của mình trong bối cảnh mới. Vậy, giải pháp lớn nhất đối với ý thức tôn giáo, đạo đức, thẩm mỹ nhằm giúp sức cho công cuộc chuyển đổi mô hình dạy học là trong sự vận động, biến đổi, cần định hướng cho mỗi con người những nội dung giá trị tinh thần mang tính tiên bộ, phù hợp với nền kinh tế tri thức và bối cảnh toàn cầu hóa.

Tiêu kết chương 4

Chương 4 khảo sát thực trạng và giải pháp chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay. Với cách tiếp cận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận án đã nhận diện sự chuyển đổi trên bằng cách đặt nó trong mối quan hệ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay; trong mối quan hệ với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới giáo dục; trong mối quan hệ với tình hình khoa học và giáo dục và trong mối quan hệ với sự biến đổi về nội dung của ý thức đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo của nước ta. Qua những mối quan hệ đó, các tính chất của sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo đã bộc lộ. Thực trạng lớn nhất là trong sự chuyển đổi này ở Việt Nam hiện nay, mô hình dạy học truyền thụ vẫn đang chiếm vị thế chủ đạo, mặc dù trong tư duy, nhận thức, nó đã tiến sang mô hình dạy học kiến tạo. Trên cơ sở thực trạng sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam hiện nay, luận án gợi ý một số giải pháp gắn với kinh tế, chính sách đổi mới giáo dục, khoa học, và ý thức đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo... Luận án không cố gắng đề xuất những giải pháp mới, vì những giải pháp cơ bản, ở tầm vĩ mô đã được nêu trong các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, mà nhấn mạnh một số nội dung cụ thể, gắn với thực tế Việt Nam, và liên quan trực tiếp đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo. Cuối cùng, chúng tôi nhận thấy, sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo quả thực không dễ dàng. Là một xu hướng tất yếu, khách quan của thời đại, song sự chuyển đổi này sẽ khác nhau ở các nền giáo dục khác nhau, với xuất phát điểm, với bối cảnh kinh tế, và đặc điểm văn hóa khác nhau. Một mô hình thành công ở quốc gia này chưa chắc sẽ thành công ở quốc gia khác nếu áp dụng nguyên xi. Đó cũng chính là tính phong phú, sinh động, biện chứng của thế giới này. Xác định được nền giáo dục Việt Nam đang ở đâu trong quá trình chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo là một điều quan trọng, không phải để bi quan, mà để mỗi người tự ý thức được điểm đứng của mình trong bối cảnh toàn cầu hóa, để rõ ràng hơn những công việc tiếp theo cần phải làm, kiên trì và luôn hy vọng.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu “Sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo” là một đề tài mang tính liên ngành, đòi hỏi sự kết hợp giữa triết học giáo dục, tâm lý học giáo dục và giáo dục học, dựa trên nền tảng là cách tiếp cận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ việc tìm hiểu một số lý luận cơ bản về các khái niệm then chốt như “Mô hình dạy học truyền thụ”, “Mô hình dạy học kiến tạo” cũng như sự chuyển đổi giữa chúng, cho đến việc tìm hiểu các yếu tố tác động đến sự chuyển đổi này, từ đó định vị nền giáo dục Việt Nam đang ở đâu trong sự chuyển đổi, luận án có một bức tranh tương đối hệ thống về vấn đề nghiên cứu. Một số điều đọng lại sau toàn bộ quá trình nghiên cứu, đó là: thứ nhất, việc xem xét mối quan hệ giữa “Mô hình dạy học truyền thụ” và “Mô hình dạy học kiến tạo” theo nguyên tắc thống nhất logic – lịch sử cho phép chúng tôi vượt qua giới hạn của quan điểm logic hình thức. Không có sự đối lập, phủ định sạch trơn, bên trọng – bên khinh, thay vào đó, chúng tôi nhận thấy sự vận động mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo là một sự vận động biện chứng. “Mô hình dạy học kiến tạo” bao hàm trong nó tất cả những yếu tố đặc trưng, vẫn còn giá trị của “Mô hình dạy học truyền thụ”, kết hợp với những ưu thế của mình, là mô hình thích ứng với nền giáo dục trong bối cảnh xã hội tri thức và toàn cầu hóa. Đây là một nhận thức rất quan trọng, có ý nghĩa khi vận dụng vào bối cảnh đổi mới giáo dục của Việt Nam hiện nay. Phải xử lý tốt mối quan hệ giữa giáo dục hiện đại và giáo dục truyền thống chứ không phải phủ định hoàn toàn giáo dục truyền thống, đây là điểm cơ bản để nền giáo dục Việt Nam đào tạo được những công dân toàn cầu, nhưng không làm mất đi bản sắc của mình. Thứ hai, trong khi luận giải yếu tố tác động đến sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo, chúng tôi nhận thấy cách tiếp cận của chủ nghĩa duy vật lịch sử cho phép luận án có một cách nhìn chỉnh thể, hệ thống. Sự chuyển đổi của một mô hình dạy học không nằm đâu đó độc lập, tách rời mà luôn gắn bó hữu cơ, chịu sự quy định của các yếu tố thuộc tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Nắm bắt điều này là cơ sở quan trọng để khi nhìn vào thực trạng đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay, chúng ta tránh được thái độ chủ quan, duy ý chí, muốn tiến nhanh, tiến mạnh, đi tắt, đón đầu, bắt kịp... Giáo dục chỉ có thể đổi mới thật sự, sự chuyển đổi mô hình dạy học chỉ có thể diễn ra đúng thực chất, nếu nó được đặt trong tổng thể sự đổi mới, cải cách toàn bộ các yếu tố trong hệ thống xã hội. Do đó, khi xem giáo dục là “quốc sách hàng đầu”, cần không ngừng nỗ lực tiếp tục cải tạo nền kinh tế, nâng cao nội lực nền kinh tế, để vai trò “quốc sách hàng đầu” không chỉ là một ý tưởng, một chủ trương, chính sách. Cuối cùng, sau khi hiểu được thực chất sự chuyển đổi mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến

tạo, chúng tôi đã cố gắng định vị nền giáo dục Việt Nam hiện nay. Với kết quả nhận được, chúng tôi không cảm thấy “buồn” hay bi quan, mà chỉ cảm thấy nó trung thực. Biết mình ở đâu là tiền đề quan trọng nhất trong việc hoạch định chính sách, chủ trương, tìm kiếm giải pháp và thực hiện hóa. Chúng tôi tin, bước chuyển mô hình dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo ở Việt Nam, với những phân tích về thực trạng và giải pháp đúng đắn, sẽ có nhiều bước tiến chất lượng hơn trong tương lai gần.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Minh Hiếu (2018), : “Quan điểm của John Dewey về trí nghĩ”, *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học cán bộ trẻ và học viên sau đại học năm 2017 “Khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong quá trình toàn cầu hoá”*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 117 – 125.
2. Trần Minh Hiếu (2018), “Constructive Teaching and its meaning for Vietnamese Education Nowadays” – *Kỷ yếu tóm tắt Hội thảo quốc tế “Critical Innovation”* tại Đại học Roi Et Rajabhat University, Thailand, tr. 6.
3. Trần Minh Hiếu (2018), “Tu tưởng giáo dục khai phóng của Wilhemlm Humboldt và Phan Châu Trinh” – *Hội nghị khoa học cán bộ trẻ và học viên sau đại học năm 2018*, Đại học KHXH và NV Hà Nội.
4. Trần Minh Hiếu (2018), “Alexandre de Rhodes với việc khai sinh chữ quốc ngữ ở Việt Nam” – *Hội thảo Khoa học quốc tế: “Các nhà tư tưởng Kito giáo ở Việt Nam và khu vực: Một vài nghiên cứu so sánh”*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 220 – 225.
5. Tran Minh Hieu (2018), “The Philosophy of Education in Vietnam nowadays”, *ICSSS2017 – The 7th International Conference on Sciences and Social Sciences “Innovative Research for Stability, Prosperity and Sustainability”*, Rajabhat Maha Sarakham University, Thailand, p. 391 – 402.
6. Trần Minh Hiếu (2019): “Mối quan hệ giữa dạy học truyền thụ và dạy học kiến tạo nhìn từ khái niệm “Khung mẫu” của Thomas Kuhn”, *Hội thảo quốc tế: “Đổi mới và sáng tạo trong đào tạo nguồn nhân lực toàn cầu”*, Đại học Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 159 – 169.
7. Trần Minh Hiếu (2019), “Cơ sở triết học đổi mới phương pháp dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo”, *Tham luận tại hội thảo khoa học “Trí Việt đổi mới sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hóa”*, Viện Trí Việt (IVM) (Thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA)).
8. Tran Minh Hieu (2019), “The Education’s Philosophy and Logical Curriculum in University of Vietnam”, *Tạp chí Journal of Research and*

Development Institute, Rajabhat Maha Sarakham University Vol.6 No.1., p. 1 – 10.

http://research.rmu.ac.th/journal/web/journal_detail.php?journal_id=9bf31c7ff062936a96d3c8bd1f8f2ff3&4d94e72058fee318109939f3d9fbe58c.

9. Trần Minh Hiếu: “*Suy nghĩ về mối quan hệ giữa dạy học truyền thụ và dạy học kiến tạo qua so sánh tương tự với mối quan hệ giữa Phật giáo và Khoa học*”, Tạp chí Giáo dục và Xã hội (Thuộc cơ quan nghiên cứu, lý luận, diễn đàn giáo dục của Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt nam), số đặc biệt kỳ 2 – tháng 3/2019, tr.120 – 124

10. Trần Minh Hiếu (2019), “*Một số cơ sở triết học của sự chuyển đổi khung mẫu dạy học từ truyền thụ sang kiến tạo*”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*, tập 5, số 2b (12/2019), tr. 362 -370.

11. Trần Minh Hiếu (2020) - *Nghiệm thu Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “Sự chuyển đổi khung mẫu dạy học truyền thống sang khung mẫu dạy học kiến tạo tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội giai đoạn 2001 - 2018”*.